

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 31-01-2018

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Trần Ái Vy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lương

2. Ông Nguyễn Thành Lâm

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh – Kiểm sát viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Út – Thư ký của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1002/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2017 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐST-HN ngày 12 tháng 01 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 20/2018/QĐHPT ngày 22 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Bùi Văn T, sinh năm 1973

Địa chỉ thường trú: Thôn C, xã A, huyện B, tỉnh N. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Dương Thị L, sinh năm 1974.

Địa chỉ thường trú: Thôn C, xã A, huyện B, tỉnh N

Địa chỉ tạm trú: 15/9 đường S, phường M, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử nguyên đơn Ông Bùi Văn T trình bày: Ông T và bà L tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển số 01/1995 ngày 12/7/1995 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh N.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong cách nuôi dạy con cái, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và không có sự chia sẻ, cảm thông dành cho nhau nên tình cảm không còn. Từ năm 2014 đến nay ông T và bà L sống ly thân, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Ông xác định tình cảm dành cho bà L không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Dương Thị L.

Về con chung: Có hai con chung tên Bùi Văn D, sinh năm 1996 và Bùi Văn H, sinh năm 1998, các con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Bị đơn bà Dương Thị L trình bày: Bà L thống nhất với lời trình bày của ông T về thời gian kết hôn. Bà L thừa nhận giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân do ông T không quan tâm đến gia đình, vợ con, không chăm lo phát triển kinh tế gia đình mà chỉ có một mình bà L vừa lo kinh tế, vừa chăm sóc, nuôi dạy các con, từ năm 2014 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm không còn. Tuy nhiên, bà L không đồng ý ly hôn vì muốn các con có đủ cha mẹ, bà chỉ đồng ý ly hôn khi các con đã trưởng thành và lập gia đình.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà thống nhất với lời khai của ông T.

Tại phiên tòa hôm nay: Ông Bùi Văn T trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Dương Thị L.

Bị đơn: Bà Dương Thị L vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Bùi Văn T yêu cầu ly hôn với bà Dương Thị L, bà L có nơi cư trú tại quận Tân Bình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 04, quyển số 01/1995 ngày 12/07/1995 do UBND xã A, huyện B, tỉnh N cấp thì quan hệ hôn nhân giữa ông

Bùi Văn T và bà Dương Thị L là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được pháp luật bảo vệ.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn, bà Dương Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ văn bản tố tụng nhưng bà L vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bà Dương Thị L, vì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, trong cách nuôi dạy con cái, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không có sự cảm thông, chia sẻ cùng nhau. Từ năm 2014 đến nay ông T và bà L đã sống ly thân và ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu được ly hôn để mỗi người ổn định cuộc sống riêng. Bà L không đồng ý ly hôn nhưng thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bà xác định tình cảm dành cho ông T không còn, bà chỉ đồng ý ly hôn khi các con đã lập gia đình. Như vậy, mâu thuẫn giữa ông T và bà L đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T là có căn cứ.

Về con chung: Các con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà L khai không có.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Bùi Văn T phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 2, Điều 227 và Khoản 2, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn T;

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Bùi Văn T và bà Dương Thị L.

- Về con chung: Có hai con chung tên Bùi Văn D, sinh năm 1996 và Bùi Văn H, sinh năm 1998, các con chung đã trưởng thành.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Về án phí:

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Bùi Văn T phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do ông T đã nộp theo biên lai số 0007030 ngày 23/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình

3. Quyền kháng cáo:

Ông Bùi Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Dương Thị L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- UBND xã A, huyện B, tỉnh N;
- Dương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Trần Ái Vy